

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13

Năm báo cáo: 2022

(Thực hiện theo mẫu Phụ lục số 04 kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn Công bố thông tin trên TT chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100106426**
- Vốn điều lệ: **950.845.690.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **950.845.690.000 đồng**
- Địa chỉ: Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: **024-3854 4623**
- Website: **licogi13.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **LIG**

Quá trình hình thành và phát triển

- *Quá trình hình thành và phát triển:*
- Thành lập: năm 1960 với tiền thân là Công trường cơ giới 57.
- Năm 1980: Xí nghiệp thi công cơ giới số 13.
- Năm 1989: Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.
- Năm 1996: Công ty Cơ giới và Xây lắp số 13 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng.
- Năm 2005: Chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 2088/QĐ-BXD ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- *Các sự kiện khác:*
- Ngày 25/02/2008: Công ty Cổ phần LICOGI 13 trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ 60.000.000.000 VNĐ.
- Ngày 30/3/2010: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có Quyết định số 179/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết 6.000.000 cổ phiếu của LICOGI 13 tại sàn HNX.
- Ngày 22/4/2010: Ngày đầu tiên cổ phiếu niêm yết với mã chứng khoán LIG thực



hiện giao dịch trên sàn HNX.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

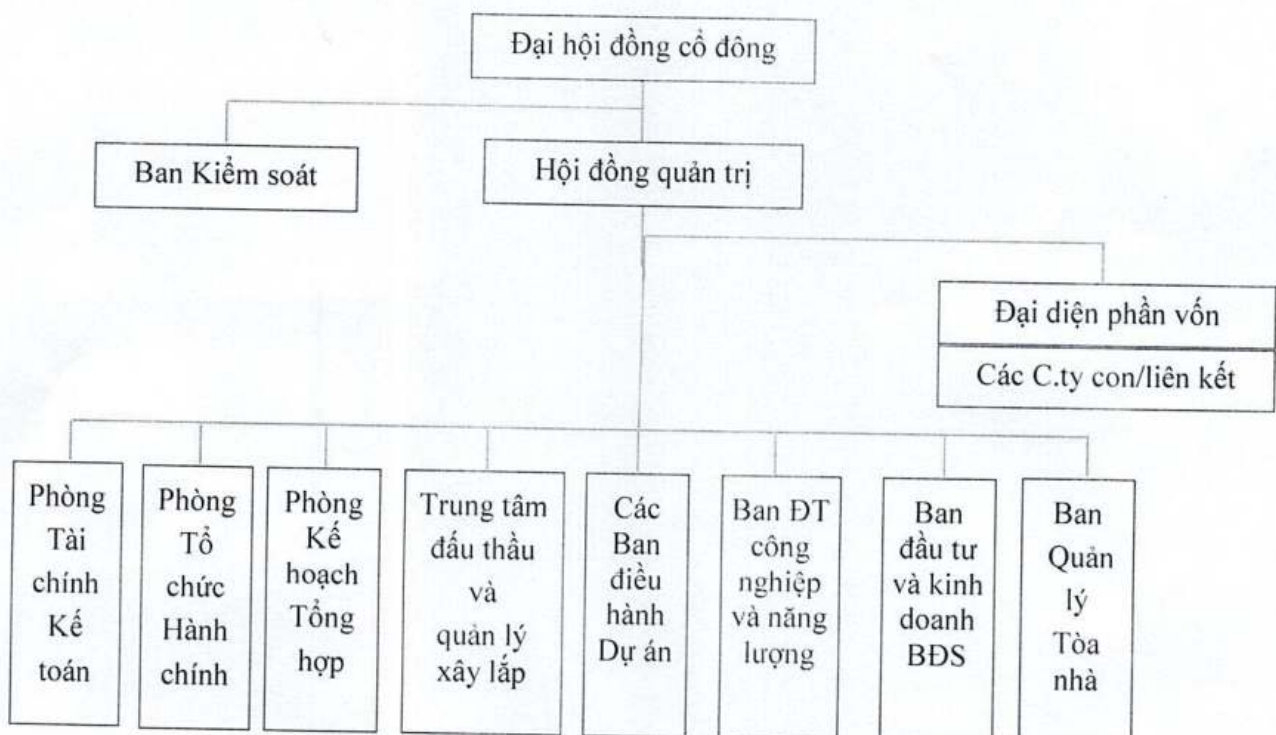
- Ngành nghề kinh doanh chính (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thi công xây lắp bằng cơ giới: mặt bằng, nền móng và hạ tầng kỹ thuật các loại công trình dân dụng, công nghiệp, công cộng, thủy lợi, giao thông khu đô thị, khu công nghiệp; Đầu tư kinh doanh bất động sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan...và một số ngành nghề khác.

- Địa bàn kinh doanh tại nhiều tỉnh, thành phố (các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Hà Nội, Quảng Ninh; Hà Giang, Sơn La, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Nam, Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng; Thành phố Hồ Chí Minh...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:** Theo hình thức **Công ty Cổ phần** tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các qui định pháp luật hiện hành có liên quan; Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ.

- **Cơ cấu tổ chức:**



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp	LICOGI 13 góp vốn	
				Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần LICOGI13 - Nền móng Xây dựng (LICOGI13-FC)	Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, TX, HN	200.000.000.000	102.000.000.000	51
2	Công ty cổ phần LICOGI13 - Vật liệu Xây dựng (LICOGI13 - CMC)	Tầng 1, Đơn nguyên A, Tòa nhà LICOGI 13, Khuất Duy Tiến, TX, HN	33.200.000.000	20.842.000.000	62,8
3	Công ty cổ phần LICOGI13 - Cơ giới hạ tầng (LICOGI13 - IMC)	Tầng 1, Đơn nguyên B, Tòa nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, TX, HN	34.539.400.000	21.292.220.000	61,65
4	Công ty cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt	Số 21, Trần Phú, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	60.000.000.000	31.200.000.000	52
5	Công ty CP Địa ốc Xanh Sài Gòn Thuận Phước	07 Đặng Tử Kính, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.	275.000.000.000	183.150.000.000	66,6
6	Công ty cổ phần LICOGI13-Đầu tư và Xây dựng và Hạ tầng (LICOGI13 - ICI)	Đường số 2, khu số 4 phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	90.000.000.000	85.000.000.000	94,4
7	Công ty cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	66, đường Nguyễn Trãi, Tổ 9, P. Quyết Thắng, TP Sơn La, T. Sơn La.	300.000.000.000	261.300.000.000	87,1

8	Công ty cổ phần Sông Nhiệm 3	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.	165.000.000.000	161.500.000.000	97,9
9	Công ty cổ phần Điện gió LIG Hướng Hóa 2	Số 37 Đường Lý Thường Kiệt, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, Quảng Trị	313.632.000.000	311.632.000.000	99,4
10	Công ty TNHH MTV Trường trung cấp Nghề Công trình 1	Thôn Dương Nội, xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	10.400.000.000	10.400.000.000	100
11	Công ty cổ phần năng lượng tái tạo LICOI13	Tầng 4, Tòa nhà LICOI13, Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	33.165.000.000	9.927.000	30
12	Công ty TNHH Hai thành viên LICOI13 - Thuận Phước	Quy Nhơn Bình Định	261.000.000.000	117.450.000.000	45
13	Công ty cổ phần LICOI13 LAND	Tầng 5 LICOI13 TOWER, Khuất Duy Tiến, TX, HN	2.750.000.000	0	
13	Công ty CP Công nghệ và Vật liệu chuyên dụng (LICOI13-TSM)	Tòa nhà LICOI13, đường Khuất Duy Tiến, NC, T.Xuân, Hà Nội.	20.300.000.000	2.721.360.000	13,4

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2023:

a) Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu hợp nhất tối thiểu: **2.500 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ (LIG): **10 tỷ đồng.**
- Giá trị đầu tư: **695 tỷ đồng.**

b) Các chương trình, mục tiêu về SXKD và đầu tư:

Về xây lắp: Nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp, xây dựng hệ thống và qui trình quản lý xây lắp đối với một nhà thầu chuyên nghiệp, phát huy mô hình tổng thầu xây lắp cùng với các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trước, trong và sau quá trình thực hiện hợp đồng.

Về thực hiện các dự án đầu tư: Bám sát các quy định, cơ chế chính sách của Chính phủ và các địa phương nơi có dự án đầu tư. Vận dụng linh hoạt, nắm bắt các cơ hội hợp tác, thu hút vốn và các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Nỗ lực tìm kiếm dự án đầu tư mới trên đa dạng các lĩnh vực trên nguyên tắc cân trọng lựa chọn dự án - đối tác - công việc đảm bảo chắc chắn, an toàn.

- Thực hiện các thương vụ M&A một cách linh hoạt, tranh thủ cơ hội và tận dụng thời cơ một cách hợp lý, bảo đảm mỗi thương vụ đều mang lại lợi ích cho Công ty.

Cụ thể:

- Tập trung các Dự án đầu tư như sau:

+ Dự án khu đô thị thương mại Bắc Kênh đào - An Giang: khẩn trương hoàn thành thủ tục xin quyết định giao đất để triển khai thi công. Dự kiến quý 1/2024 ghi nhận được 30% doanh thu dự án.

+ Dự án Nhà ở xã hội khu đô thị Long Vân – Bình Định: Thực hiện thủ tục điều chỉnh qui hoạch đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng, triển khai thi công trong quý 3/2023.

+ Dự án Điện gió Hướng Hóa 2 (Quảng Trị): Tiếp tục các công việc giải phóng mặt bằng, đàm phán khung giá bán điện, ký lại hợp đồng PPA, đàm phán với đơn vị cung cấp tuabin gió để tiến tới ký Hợp đồng;

+ Phát điện công trình Thủy điện Sông Nhiệm 3 (Hà Giang).

+ Triển khai thi công Dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 (Sơn La);

+ Dự án Thanh Thủy – Phú Thọ: Thực hiện các thủ tục pháp lý còn lại; Hoàn tất chi trả đền bù giải phóng mặt bằng trong quý 4/2023.

+ Dự án Cầu Hung Lai Nghi Hoàn thành các thủ tục pháp lý, tổ chức thi công Dự án giai đoạn 2, khởi động giai đoạn 3.

+ Dự án Nhà ở xã hội Khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng): Hoàn thiện tất cả các hạng mục xây dựng của các khối nhà còn lại để bàn giao cho khách hàng, đẩy nhanh công tác cấp sổ đỏ cho các căn hộ đủ điều kiện; Tập trung công tác bán hàng đối với các căn hộ thương mại; hạch toán ghi nhận một phần doanh thu dự án.

+ Thu hồi vốn tại dự án Khu du lịch cao cấp Trà cổ (Quảng Ninh);

- Tiếp tục nghiên cứu, xúc tiến các dự án tiềm năng về công nghiệp, bất động

sản, năng lượng ở các địa phương.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 100 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 1 USD/cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm **xây dựng, bất động sản, công nghiệp và hạ tầng** phát triển ở tầm cao hơn, vững chắc và hiệu quả hơn.

- Lĩnh vực xây dựng: *Đủ năng lực nhận thầu EPC; Doanh thu xây lắp bình quân 2000 tỷ đồng/năm;*

- Lĩnh vực bất động sản: *Doanh thu bất động sản bình quân 600 tỷ đồng/năm;* Thực hiện đầu tư một số dự án BĐS nhà ở, BĐS nghỉ dưỡng, khu công nghiệp... tại Hưng Yên, Quảng Ninh, Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam Đà Nẵng, An Giang, Cần Thơ, Phú Quốc, Lâm Đồng... và một số địa phương có tiềm năng.

- Lĩnh vực công nghiệp và hạ tầng: Hoàn thành đầu tư 300 MWp điện từ các dự án năng lượng (Mặt trời, điện gió); Đưa vào khai thác, vận hành tối thiểu **02** nhà máy thủy điện nhỏ, **01** nhà máy năng lượng tái tạo khác, **01** khu công nghiệp.

- Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: **5 - 10%/năm;**

- Thu nhập bình quân của người lao động tăng trưởng: **5% - 7%/năm;**

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A mang lại hiệu quả kinh tế;

- Quy mô vốn: Tối thiểu 1.100 tỷ đồng vào năm 2023; Có lộ trình tăng vốn điều lệ phù hợp với quy mô phát triển của Công ty;

- Duy trì cổ tức hàng năm cho cổ đông. Phân đầu đến cuối năm 2025, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 2.000 đồng;

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Mỗi năm giảm 1% chi phí năng lượng dựa trên chỉ số chi phí năng lượng/doanh thu từng lĩnh vực hoạt động.

- Không để xảy ra các vi phạm về môi trường trong phạm vi toàn hệ thống.

- Tại các địa bàn Công ty có triển khai các công trình dự án: Tham gia thường xuyên các chương trình từ thiện, tình nguyện vì cộng đồng; Tăng tỷ lệ sử dụng lao động địa phương.

- Tuân thủ các quy định phòng chống dịch COVID-19 trong điều kiện bình thường mới.

5. Các rủi ro:

Trong quá trình hoạt động, nhiều yếu tố rủi ro luôn tồn tại và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

*** Rủi ro luật pháp:**

Là công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư bất động sản, năng lượng... hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều qui định: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và các luật liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty như: Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh Bất động sản ... cùng với đó là rất nhiều các văn bản dưới luật. Mọi hoạt động của DN trong quá trình đầu tư, kinh doanh đều chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Sự không đồng bộ, thống nhất giữa các luật gây khó khăn cho Doanh nghiệp, bên cạnh đó, DN phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính trùng lặp, thời gian xử lý kéo dài... dẫn tới tạo gánh nặng về mặt chi phí, tốn kém thời gian, thậm chí lỡ nhịp thời cơ đầu tư kinh doanh.

*** Rủi ro chính sách tiền tệ:**

*** Rủi ro chính sách tiền tệ:**

Lạm phát đang là thách thức lớn nhất và nguy cơ còn kéo dài trong một vài năm tới. Tình trạng mức giá chung tăng cao do chi phí sản xuất tăng: Chi phí hàng hóa và lao động tăng cao, giá xăng dầu tăng đột biến, căng thẳng chuỗi cung ứng, khan hiếm lao động sau đại dịch và các cú sốc giá cả liên tiếp là nguyên nhân chính làm gia tăng lạm phát tạo ra những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Để kiềm chế lạm phát, các ngân hàng trương ương trên Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều lựa chọn thắt chặt chính sách tiền tệ. Việc sử dụng các khoản vay, công cụ tài chính đặt ra những thách thức cho LICOGI13 về quản trị rủi ro lãi suất để đảm bảo quản lý hiệu quả chi phí lãi vay.

• Rủi ro đặc thù ngành:

- **Rủi ro về thanh toán:** Trong lĩnh vực Xây dựng – đầu tư Bất động sản đòi hỏi vốn lớn, chu kỳ kinh doanh kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần do đó công ty phải duy trì hệ số nợ cao và thời gian thanh toán kéo dài. Việc thực thi các chế tài đối với các hành vi vi phạm các điều khoản về thanh toán hợp đồng chưa đủ mạnh nên yếu tố này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả cũng như các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thị trường BĐS đóng băng đã ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm BĐS của doanh nghiệp, không có tính thanh khoản cũng là nguyên nhân căn bản dẫn đến các rủi ro về thanh toán.

- **Rủi ro về cạnh tranh:** Sức ép cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành nghề càng ngày càng khốc liệt đòi hỏi phải tạo ra được các sản phẩm có chất lượng và dấu ấn riêng, phù hợp với phân khúc khách hàng lựa chọn.

• Rủi ro từ môi trường:

Mặc dù các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp từ rủi ro về môi trường như các ngành nghề sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ... Tuy nhiên rủi

ro từ môi trường có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh thể hiện qua các mặt: thiếu hụt tài nguyên, gia tăng chi phí sử dụng tài nguyên, thiên tai có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng các công trình. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu cũng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

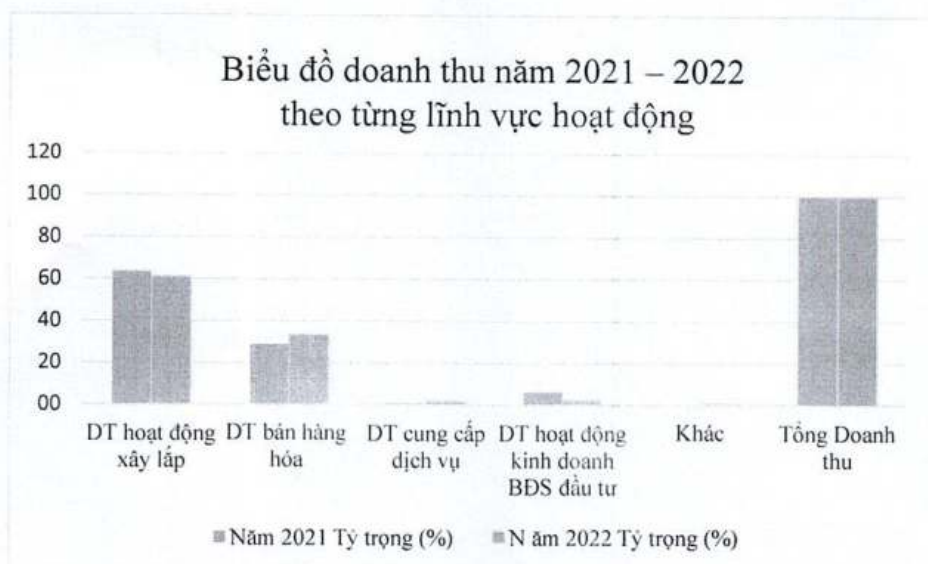
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

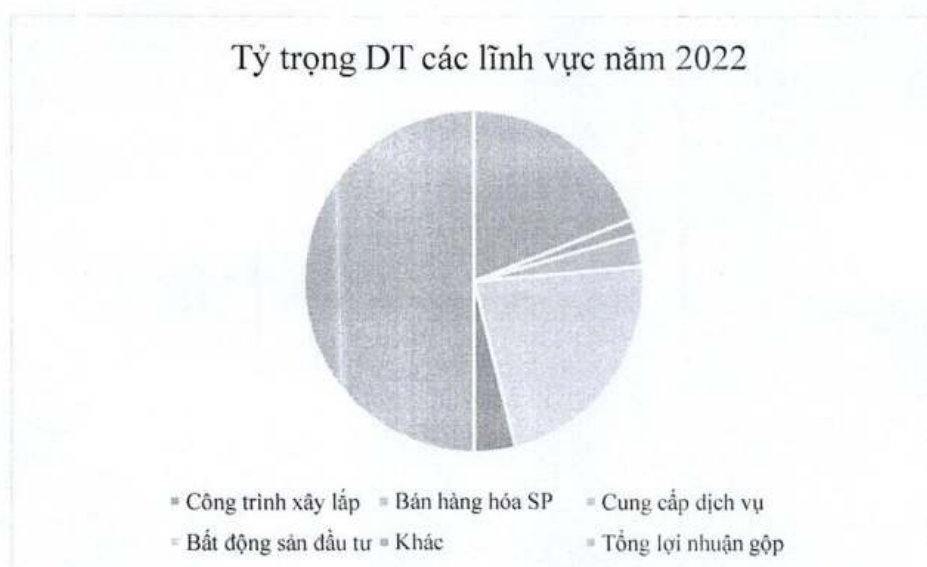
a) **Doanh thu hợp nhất: 2.968.797 triệu đồng** bằng **118%** kế hoạch năm. Doanh thu theo lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

Lĩnh vực	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr. Đ)	Tỷ trọng (%)
DT hoạt động xây lắp	1.552.701	63,6	1.812.615	61,1
DT bán hàng hóa	708.552	29,0	994.551	33,5
DT cung cấp dịch vụ	21.957	0,9	57.446	1,9
DT hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư	147.627	6,1	78.474	2,6
Khác	8.941	0,4	25.711	0,9
Tổng Doanh thu	2.439.778	100	2.968.797	100

Biểu đồ doanh thu năm 2021 – 2022 theo từng lĩnh vực hoạt động:



Doanh thu 2022 tăng so với doanh thu năm 2021 do doanh thu xây lắp, doanh thu bán hàng hoá, doanh thu dịch vụ, doanh thu khác tăng, nhưng doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư giảm

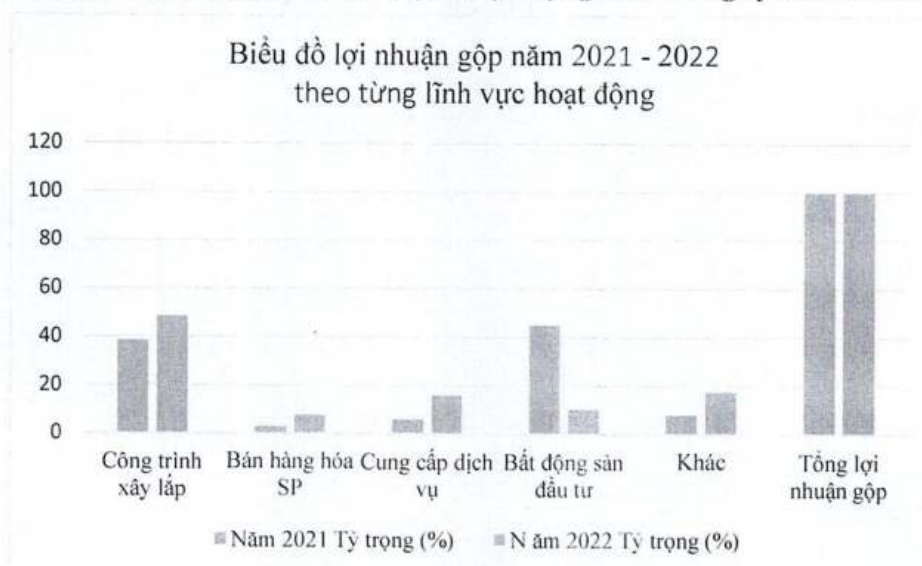


b) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 9.027 triệu đồng. Lợi nhuận gộp từng lĩnh vực hoạt động của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

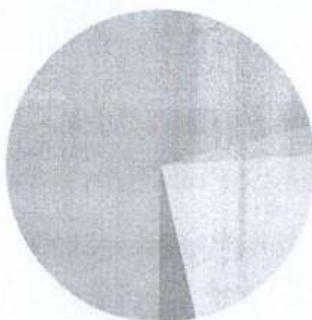
Lĩnh vực hoạt động	Năm 2021		Năm 2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Công trình xây lắp	27.270	38,4	67.629	48,4
Bán hàng hóa SP	1.945	3,0	10.968	7,8
Cung cấp dịch vụ	4.252	6,0	22.404	16,0
Bất động sản đầu tư	31.998	45,0	14.363	10,3
Khác	5.586	7,9	24.455	17,5
Tổng lợi nhuận gộp	71.051	100	139.819	100

Biểu đồ lợi nhuận gộp các lĩnh vực hoạt động của Công ty năm 2021-2022



Năm 2022, lợi nhuận gộp của mảng cung cấp dịch vụ, bán hàng và bất động sản đầu tư tăng nhưng LN gộp mảng xây lắp, hoạt động khác, năng lượng (điện) giảm.

Tỷ trọng Lợi nhuận các lĩnh vực
Năm 2022



■ Công trình xây lắp ■ Bán hàng hóa SP ■ Cung cấp dịch vụ
 ■ Bất động sản đầu tư ■ Khác ■ Tổng lợi nhuận gộp

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

❖	Ông Phạm Văn Thăng	Chức vụ: Tổng Giám đốc Kỹ sư kinh tế giao thông
	- Trình độ chuyên môn:	
	- Số CP nắm giữ và được ủy quyền:	
	○ Đại diện sở hữu:	Không
	○ Cá nhân sở hữu:	3.655.712 CP tương ứng 3,84 % VDL
❖	Bà Nguyễn Thanh Tú	Chức vụ: Thành viên HĐQT- Phó TGD Thạc sỹ Kinh tế
	- Trình độ chuyên môn:	
	- Số CP nắm giữ và được ủy quyền:	
	○ Đại diện sở hữu:	Không
	○ Cá nhân sở hữu:	270.062 CP tương ứng 0,28% VDL
❖	Ông Trần Quang Huy	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kỹ sư thủy lợi
	- Trình độ chuyên môn:	
	- Số CP nắm giữ và được ủy quyền:	Không
	○ Đại diện sở hữu:	Không
	○ Cá nhân sở hữu:	Không
❖	Ông Đỗ Thanh Hà	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Kỹ sư Xây dựng
	- Trình độ chuyên môn:	
	- Số CP nắm giữ và được ủy quyền:	

○ Đại diện sở hữu:

Không

○ Cá nhân sở hữu:

73.743 tương ứng 0,08% VDL

*** Ông Lê Xuân Thành :**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ văn hóa:

12/12

- Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ điện tử viễn thông

- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:

○ Đại diện sở hữu:

Không

○ Cá nhân sở hữu:

1.050 CP tương ứng: 0,001% VDL

*** Ông Nguyễn Nam Sơn :**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Luật

- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:

○ Đại diện sở hữu:

Không

○ Cá nhân sở hữu:

10.000 CP tương ứng: 0,01% VDL

❖ Bà Nguyễn Thị Thơm

Chức vụ: Kế toán trưởng

- Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:

○ Đại diện sở hữu:

Không

○ Cá nhân sở hữu:

100.536 CP tương ứng 0,11% VDL

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên; Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của LICOGI13 tại thời điểm 31/12/2022 là **690** người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	489	70,87
Cao đẳng	33	4,78
Công nhân kỹ thuật	114	16,52

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Trình độ khác	54	7,83
Tổng cộng	690	100

LICOGI 13 luôn coi con người là tài sản quý nhất của Công ty. Do đó, các chính sách chế độ (*lương, thưởng, phúc lợi...*) đối với người lao động luôn được LICOGI 13 đảm bảo thực hiện đúng, thực hiện tốt và có lợi hơn cho người lao động so với các quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư vào các Dự án lớn:

* Các dự án năng lượng:

- **DA điện gió Hướng Hóa 2:** Đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án, . Trong năm, Dự án đã hoàn thành công tác thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công tuyến đường 220kV đến trạm biến áp 220kV Hướng Tân; Thực hiện thăm tra TKKT tuyến đường dây; đang triển khai TKKT, BVTC nhà máy và đàm phán với nhà cung cấp thiết bị tuabin gió.

- **Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 3 (Hà Giang):** UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại khu vực lòng hồ huyện Yên Minh; phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa. Trên cơ sở đó, công tác thi công đào đất đá, công tác bê tông đã hoàn thành 100%; Công tác lắp đặt thiết bị trạm 35kV đã hoàn thành, đang chuẩn bị lắp đặt thiết bị tuabin máy phát; Hoàn thành lắp đặt toàn bộ khe van các hạng mục cửa nhận nước, nhà máy, đập tràn, cống xả cát; Hoàn thành thiết bị nâng Nhà máy; Công tác đào móng cột xây dựng đường dây 35kV truyền tải điện đạt 48% tổng khối lượng, công tác đổ bê tông móng cột hoàn thành 35% khối lượng. Mặc dù vậy, giá trị đầu tư năm 2022 chỉ đạt 67% kế hoạch đề ra do công tác đền bù giải phóng mặt bằng khu vực lòng hồ bị chậm. Công ty đang thực hiện nhiều giải pháp để đưa dự án vào vận hành cuối quý IV/2023.

- **Dự án Thủy điện Nậm Pàn 5:** Đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 3) và ban hành quyết định giao đất đợt 1 để thực hiện dự án, đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt 1. Dự án đã được Ngân hàng BIDV chi nhánh Thanh Xuân cam kết tài trợ vốn; đã hoàn thành chi trả đền bù toàn bộ các hạng mục còn lại bằng nguồn vốn tự có; Hoàn thành hệ thống cấp điện 35kV phục vụ thi công hầm phụ số 1 và cụm đầu mối; Hoàn thành lắp đặt trạm nghiền 150T/h và trạm nghiền 10m3/h, khu nhà ở CBCNV; Đang thi công đường thi công vận hành VH3, VH1. Giá trị đầu tư dự án mới đạt 25% kế hoạch năm do công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm, chưa giải ngân được nguồn vốn vay nên các gói thầu thi công và lắp đặt thiết bị công trình đều triển khai chậm, công tác xử lý địa chất phức tạp...

*** Các dự án Bất động sản:**

- Dự án Khu nhà ở xã hội khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng):

Chưa thực hiện được bàn giao nhà E3-E4 cho khách hàng nên mới ghi nhận được phần doanh thu của các tòa nhà B3 và một phần tòa B1, B1A, E3, E4.

- Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng Lai Nghi (Quảng Nam):

- Giai đoạn I: Công tác giải phóng mặt bằng và thi công hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, xây dựng chợ dân sinh đã hoàn thành; tính đến hết Quý 1/2022 đã cấp được 222 sổ đỏ cho khách hàng.

- Giai đoạn II: Đã có quyết định giao đất đợt 2 và được gia hạn giấy phép xây dựng; công tác thi công hạ tầng như cống hộp thoát nước, hệ thống trục đường xương cá, hệ thống điện, nước, cây xanh, vỉa hè đã cơ bản hoàn thành; Thực hiện xây dựng và khánh thành vòng xoay trung tâm thương mại, là điểm nhấn của Dự án. Ngày 14/12/2022 đã được UBND huyện Điện Bàn nghiệm thu hạ tầng.

- Giai đoạn III: Đã hoàn thành hồ sơ xin quyết định điều chỉnh quy hoạch 1/500.

- **Dự án Khu du lịch cao cấp Trà Cổ (Quảng Ninh):** Trong năm đã thi công xong và phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần Trung Chính rà soát, đối chiếu hồ sơ chứng từ và chi phí để quyết toán Dự án.

- **Dự án Khu đô thị thương mại Bắc Kênh đào tại thành phố Châu Đốc tỉnh An Giang:** đã được phê duyệt quy hoạch 1/500; thực hiện giải phóng mặt bằng đạt 78%.

- Dự án Khu công nghiệp Quán Ngang giai đoạn 3 (Quảng Trị):

Trong năm 2022 mới dừng lại ở việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giải trình theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế và UBND tỉnh Quảng Trị. Cùng với đó, tiến hành hoàn thiện hồ sơ xác nhận hiện trạng rừng tại khu vực thực hiện Dự án.

b) Các khoản đầu tư vào Công ty con/ liên kết:

- Đầu tư vốn vào Công ty CP địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước; Công ty CP Sông Nhiệm 3; Công ty CP LIG Hướng Hóa 2; Công ty CP Năng lượng Dầu khí toàn cầu; Công ty cổ phần LICOGI13 – FC; Công ty TNHH hai thành viên LICOGI13 – Thuận Phước.

Tóm tắt kết quả SXKD của các công ty con:

DVT: Triệu đồng

Tên Công ty	Tổng tài sản	Vốn CSH	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty CP LICOGI13 – FC	20.095.938	228.461	1.847.459	1.367
Công ty CP LICOGI13 - IMC	197.528	37.868	142.696	268

Công ty CP LICOGI13 - CMC	235.664	14.794	164.074	327
Công ty CP LICOGI13 – ICI	209.101	90.000	67.941	0
Công ty CP Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn – Thành Đạt	708.683	56.209	31.712	215
Công ty CP Địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước	965.425	410.768	60.483	2.132
Công ty TNHH MTV Trường TCN CT1	7.802	4.443	13.560	173
Công ty cổ phần Năng lượng Dầu khí toàn Cầu	405.839	299.915	360	21
Công ty CP Sông Nhiệm 3	554.323	165.029	11.174	0,2
Công ty cổ phần LIG - Hướng Hoá 2	315.546	313.632	0	0

4. Tình hình tài chính hợp nhất hệ thống LICOGI13:

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
Tổng tài sản	5.192.755	6.470.360	24,6
Doanh thu thuần	2.439.778	2.966.171	21,6
Lợi nhuận từ hoạt động KD	37.989	18.441	(51,5)
Lợi nhuận khác	21.510	-2.761	
Lợi nhuận trước thuế	59.499	15.680	(73,6)
Lợi nhuận sau thuế	46.294	9.026	(80,5)
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	5%	không chia	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	0,99	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,77	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,83	0,80	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,87	3,95	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,35	2,91	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq			
+ Vòng quay Tổng tài sản	0,46	0,51	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận ST/DT thuần	0,019	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận ST/Vốn CSH	0,052	0,007	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	0,009	0,001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0,016	0,006	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Cổ phiếu phổ thông	95.084.569	100
1	Không hạn chế chuyển nhượng	95.084.569	100
2	Hạn chế chuyển nhượng	0	0

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông lớn (Sở hữu $\geq 5\%$ VDL)	0	0
II	Cổ đông nhỏ (Sở hữu $< 5\%$ VDL)	94.220.661	99,09
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	0,91
Tổng cộng		95.084.569	100

- Cơ cấu cổ đông phân loại theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

TT	Cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%) VDL
I	Cổ đông là tổ chức	2.999.695	3,15
1	Trong nước	2.999.695	3,15
2	Nước ngoài	0	0
II	Cổ đông là cá nhân	91.220.966	95,94
1	Trong nước	91.220.018	95,94
2	Nước ngoài	948	0
III	Cổ phiếu quỹ	863.908	0,91
Tổng		95.084.569	100

Ghi chú: Số liệu cổ phần của cổ đông do TTLKCK chốt tại ngày 27/3/2023.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ khi cổ phần hóa: 10.000 triệu đồng.
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của CSH:

TT	Thời gian phát	Số lượng	Mệnh giá	Vốn điều lệ sau sau
----	----------------	----------	----------	---------------------

	hành tăng vốn	phát hành (CP)	(đồng/CP)	tăng vốn (đồng)
1	09/2006	500.000	10.000	15.000.000.000
2	01/2007	500.000	10.000	20.000.000.000
3	09/2007	2.454.812	10.000	44.548.120.000
4	12/2007	1.545.188	10.000	60.000.000.000
5	06/2010	2.999.896	10.000	89.998.960.000
6	08/2010	3.000.104	10.000	120.000.000.000
7	10/2015	5.568.100	10.000	175.681.000.000
8	12/2015	4.343.106	10.000	219.112.060.000
9	09/2016	21.686.826	10.000	435.980.320.000
10	11/2020	21.300.000	10.000	648.980.320.000
11	02/2022	25.700.000	10.000	905.980.320.000
12	06/2022	4.486.537	10.000	950.845.690.000

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: LICOGI13 phát hành 750.000 trái phiếu LIGH2123001 với giá trị 75 tỷ đồng, thời hạn 02 năm; ngày đáo hạn 31/12/2023.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

TT	Loại vật liệu	ĐVT	Giá trị
1	Thép các loại	Triệu đồng	299.999
2	Xi măng	Triệu đồng	52.910
3	Bê tông	Triệu đồng	197.377
4	Đá, gạch, bột đá	Triệu đồng	83.493

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Các vật liệu của Công ty sử dụng một lần không tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Xăng, dầu, điện.

TT	Loại nhiên liệu – năng lượng	ĐVT	Giá trị
1	Xăng - Dầu	Triệu đồng	230.069
2	Điện	Triệu đồng	6.648
3	Nước	Triệu đồng	39.354

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Chưa có biện pháp đo đếm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn nước sinh hoạt và nguồn nước tự nhiên khác; lượng nước sử dụng **33.452** m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Sử dụng một lần không tái chế.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không có*

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.*

- Số lượng lao động (*xem mục 2.3 phần II của báo cáo*)

- Mức lương trung bình (Công ty Mẹ): **14 triệu đồng/người/tháng.**

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.*

Công ty luôn quan tâm tới việc thực hiện chế độ đối với người lao động: đảm bảo 100% người lao động có việc làm; thực hiện đúng quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; công tác tiền lương đã liên tục điều chỉnh hằng năm phù hợp với lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống CBCNV cả về vật chất và tinh thần. Các chế độ chính sách cho người lao động (*lương, thưởng, phúc lợi...*) được quan tâm, thực hiện tốt và có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật; đặc biệt, đối với CBCNV làm việc tại các công trình/dự án trọng điểm, vùng sâu, vùng xa luôn được tạo điều kiện tốt nhất về sinh hoạt ăn, ở, hỗ trợ đi lại và tiền lương được hưởng có thêm phụ cấp khu

vực.

- Ngoài ra, nhằm tái tạo sức lao động, CBCNV được Công ty luôn duy trì việc chi trả chế độ bồi dưỡng tại chỗ hoặc tổ chức thăm quan, nghỉ mát tại những điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng có dịch vụ tốt.

Thời gian làm việc: Công ty Cổ phần LICOGI 13 tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h15'. Thực hiện nghỉ chiều thứ 7, ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm (số ngày tăng tối đa 6 ngày). Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 06 tháng. Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con thì người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo yêu cầu về chuyên môn của Công ty. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động và các quy định nội bộ, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp, quy trình và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo thường xuyên: Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện.v.v... Kết quả sau mỗi khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty Cổ phần LICOGI 13 luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty tham gia đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương ...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* Doanh thu hợp nhất: 2.969 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch năm. Trong đó:

- + Doanh thu hoạt động xây lắp: 1.813 tỷ đồng
- + Doanh thu bán hàng hoá: 995 tỷ đồng
- + Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: 78 tỷ đồng
- + Doanh thu khác: 83 tỷ đồng

* Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 15,7 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ: 12,9 tỷ đồng; đạt 14,33 % so với kế hoạch năm.

* Giá trị đầu tư: 672,5 tỷ đồng, đạt 34 % so với kế hoạch năm.

* Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch: Do chịu tác động từ các yếu tố vĩ mô như chiến tranh Nga – Ucraina, nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng và đầu tư giảm mạnh; Giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào giữ xu hướng tăng làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp; diễn biến lãi suất và tỷ giá rất phức tạp; Thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, cổ phiếu xuất hiện điểm nghẽn, sự đứt gãy niềm tin nhất định; Việc quyết liệt xử lý sai phạm trong nhiều ngành, lĩnh vực khiến nhiều hoạt động/ thủ tục bị đình trệ hoặc chậm thực hiện; Các qui định, chính sách mang tính vĩ mô chậm được ban hành dẫn đến thiếu cơ sở để thực hiện đã ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của doanh nghiệp. Công ty cổ phần LICOGI13 gặp khó khăn rất lớn, đặc biệt là trong những tháng cuối năm do bị hạn chế trong việc tiếp cận thị trường, tiếp cận nguồn vốn, các dự án đã và đang thực hiện bị đình trệ hoặc chậm tiến độ, sản phẩm đầu ra bị tắc nghẽn không tiêu thụ được... Điều này làm tăng áp lực đối với doanh nghiệp vốn đã cạn kiệt nguồn lực sau hai năm chống chọi với đại dịch COVID-19. Các khó khăn này vượt xa ngoài dự báo.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Mặc dù gặp nhiều khó khăn và còn phải tiếp tục đối mặt với các nguy cơ, thách thức nhưng trong năm 2022 Công ty vẫn duy trì được hoạt động ổn định, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ SXKD chính đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua như thực hiện đầu tư dự án Thủy điện Sông Nhiệm 3 (Hà Giang), dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 (Sơn La), dự án Khu đô thị thương mại Bắc kênh đào An Giang, dự án Nhà ở xã hội khu công nghiệp Hòa Khánh (Đà Nẵng), dự án Khu du lịch dịch vụ Cầu Hưng Lai Nghi (Quảng Nam). Bên cạnh đó, tích cực nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, trong năm đã trúng thầu Chủ đầu tư đối với các Dự án mới: Nhà ở xã hội Long Vân tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định; Khu Dân cư Nông thôn mới, xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ...

Mặt khác, Công ty tiếp tục bảo đảm công ăn việc làm, duy trì lương, BHXH, BHYT và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

Đây là nỗ lực rất lớn của doanh nghiệp trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn bất lợi trong việc tiếp cận thị trường, nguồn vốn, tiêu thụ sản phẩm...

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tình hình biến động tài sản:

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.899.173	3.480.836	418.337	12,0
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	44.850	158.949	(114.099)	(72,0)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.131	26.442	21.689	82,0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.857.972	2.103.009	754.963	36,0
IV. Hàng tồn kho	856.773	1.084.642	(227.869)	(21,0)
V. Tài sản ngắn hạn khác	91.446	107.794	(16.348)	(15,0)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.571.186	1.711.918	859.268	50,0
I. Các khoản phải thu dài hạn	562.354	365.817	196.537	54,0
II. Tài sản cố định	284.306	197.686	86.620	44,0
III. Bất động sản đầu tư	163.449	132.954	30.495	23,0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.294.540	869.791	424.749	49,0
V. Các khoản đầu tư TC dài hạn	165.108	46.158	118.950	258,0
VI. Tài sản dài hạn khác	91.426	99.512	(8.086)	(8,00)
TỔNG TÀI SẢN	6.470.360	5.192.754	1.277.606	25,0

c) *Tình hình nợ phải trả*: Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Biến động (cuối năm - đầu năm)	
			Giá trị	Tỷ lệ % (GT/số đầu năm)
C. NỢ PHẢI TRẢ	5.163.792	4.307.959	855.833	20

I. Nợ ngắn hạn	3.941.966	3.276.834	665.132	20
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.096.277	972.736	123.541	13
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	398.215	520.406	(122.191)	(23)
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	61.444	36.165	25.279	70
4. Phải trả người lao động	47.364	20.202	27.162	134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	81.399	67.830	13.569	20
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.693	1.300	393	30
7. Phải trả ngắn hạn khác	909.387	602.280	307.107	51
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.341.904	1.054.604	287.300	27
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	714	-	714	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.569	1.309	2.260	173
II. Nợ dài hạn	1.221.825	1.031.125	190.700	18
1. Phải trả dài hạn người bán	312.957	241.932	71.025	29
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	169.360	132.192	37.168	28
3. Chi phí phải trả dài hạn	5.386	40.425	(35.039)	(87)
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	1.666	(1.666)	
3. Phải trả dài hạn khác	13.635	197.620	(183.985)	(93)
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	716.910	415.034	301.876	73
5. Dự phòng phải trả dài hạn	3.577	2.257	1.320	58

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- *Chính sách, quản lý:* Rà soát các quy chế quản lý của Công ty để sửa đổi theo hướng thiết thực, hiệu quả, đề cao tính tự chủ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, khích lệ tự duy liên kết, chia sẻ và hợp tác sự phát triển bền vững của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Năm 2023 Công ty sẽ tập trung nguồn tài chính, nhân lực, thiết bị để tiếp tục thực hiện các DA đầu tư, SXKD để hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

- Tiếp tục khai thác thị trường mới, mở rộng đầu tư vào các lĩnh vực SXKD có tiềm năng và thế mạnh như năng lượng sạch, đầu tư bất động sản, phát triển nhà ở, khu công nghiệp...

- Nâng cao năng lực đấu thầu, tìm kiếm thị trường, phát huy vai trò tổng thầu xây lắp, tập trung khai thác các dự án/ công trình có nguồn vốn tốt.

Các giải pháp cơ bản:

+ *Giải pháp đối với hoạt động xây lắp*: Nâng cao hiệu quả hoạt động xây lắp bằng các phương án tổ chức thực hiện tối ưu đối với từng loại công trình/dự án; xây dựng hệ thống và qui trình quản lý xây lắp đối với một nhà thầu chuyên nghiệp, phát huy mô hình tổng thầu xây lắp cùng với các giải pháp kiểm soát và phòng ngừa rủi ro trước, trong và sau quá trình thực hiện hợp đồng.

+ *Giải pháp đối với hoạt động đầu tư*: Bám sát các quy định, cơ chế chính sách của Chính phủ và các địa phương nơi có dự án đầu tư để công tác đầu tư không trái với pháp luật. Vận dụng linh hoạt, nắm bắt các cơ hội hợp tác, thu hút vốn và các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có. Ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm tới việc thực hiện chế độ đối với người lao động, thực hiện đúng quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; công tác tiền lương đã liên tục điều chỉnh hằng năm phù hợp với lộ trình tăng lương của Chính phủ; Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là nắm bắt các yêu cầu về kỹ năng tác nghiệp, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo yêu cầu về chuyên môn của Công ty. Trong mọi hoạt động Công ty đều chú trọng xem xét lợi ích người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty luôn đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu hợp nhất đạt **2.968.797 triệu đồng** hoàn thành **118%** kế hoạch năm.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **15.680 triệu đồng**, trong đó LNTT Công ty Mẹ: 12,9

tỷ đồng; đạt 14,33 % so với kế hoạch năm.

Hội đồng quản trị Công ty đã thay đổi cách thức tư duy và phương thức hoạt động để phù hợp với sự phát triển trong tình hình mới. Theo đó, chú trọng vào hai chức năng chủ đạo là tạo lập môi trường hoạt động bên trong doanh nghiệp và hoạch định chiến lược. Ba chức năng còn lại bao gồm: quản lý, giám sát và hỗ trợ chuyển hướng sang “theo mục tiêu” và “vì mục tiêu”

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tại tất cả các cấp đều có ý thức tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

- Công ty Cổ phần LICOGI 13 luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương tại địa bàn Công ty có trụ sở làm việc và tại các địa bàn Công ty triển khai các công trình, dự án. Công ty tham gia đóng góp, tài trợ kinh phí cho địa phương để ủng hộ người nghèo, người khuyết tật, các phong trào từ thiện, tình nguyện tại địa phương ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc chủ động xây dựng các phương án SXKD, đầu tư bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, các nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT; tích cực, linh hoạt và nhạy bén trong tổ chức, điều hành, chủ động điều phối các nguồn lực của hệ thống để đạt hiệu quả cao nhất.

- Về các mục tiêu trung dài hạn, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chủ trương, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra, các dự án đầu tư quan trọng đều báo cáo trình hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Trong vòng 3 đến 5 năm mức vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 100 triệu USD với giá cổ phiếu đạt 1 USD/cổ phiếu.

- Kiên định mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề của Công ty dựa trên 3 trụ cột để đảm bảo sự hài hòa, bền vững giữa hiệu quả hàng năm (*ngắn hạn*), 3-5 năm (*trung hạn*) và trên 5 năm (*dài hạn*), bao gồm ***xây dựng, đầu tư bất động sản, công nghiệp và hạ tầng***. Các nền tảng cơ bản của cả 3 trụ cột đã được thiết lập với các mục tiêu dần được hiện thực hóa.

- Thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp thường xuyên và nâng cao chất lượng hoạt động M&A.

- Chuyển đổi mô hình Công ty thành tập đoàn kinh tế đa ngành.

- Xây dựng, thực hiện hệ thống quản trị phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với văn hóa Việt Nam.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Chức vụ tại các đơn vị khác (tính đến thời điểm 15/4/2023)
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	1.981.87 5	2,08	- Không
2	Phạm Văn Thăng	Thành viên HĐQT – TGD	3.655.71 2	3,84	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP LIG Hường Hóa 2; Thành viên HĐQT các Công ty: Công ty CP năng lượng tái tạo LICOGI13; Công ty CP Sông Nhiệm 3; Công ty CP năng lượng dầu khí toàn cầu;.
3	Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên	630.000	0,66	- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha - Thành viên HĐQT Cty LICOGI 13 – FC
4	Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên	526.290	0,55	- Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty CP ĐTPT Hà Thành; - Chủ tịch HĐQT Công ty CP VLXD Sông Đáy; Công ty CP Sông Đáy – Hồng Hà;
5	Vũ Tuấn Dương	Thành viên	501.484	0,53	- Chủ tịch HĐQT tại các Công ty: Công ty CP địa ốc xanh Sài Gòn – Thuận Phước; Công ty TNHH hai thành viên LICOGI13 – Thuận Phước.
6	Nguyễn Thanh Tú	Thành viên HĐQT – Phó TGD	270.062	0,28	Không
7	Đỗ Thanh Hà	Thành viên HĐQT – Phó TGD	73.743	0,08	- Chủ tịch HĐQT tại: Công ty CP LICOGI13 – CMC; Công ty CP LICOGI13 – ICI; Thành viên HĐQT Cty CP LICOGI 13 – IMC

b) Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Tiêu bản truyền thông.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT tổ chức họp, xin ý kiến để ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan tới các chủ trương, quyết sách của Công ty:

*** Các nghị quyết của HĐQT:**

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	06/1/2022	V/v: Thông qua việc mua thêm cổ phần LIG Hường Hoá 2.	100%
2	02/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	06/1/2022	V/v: Thông qua việc chào bán CP riêng lẻ cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	100%
3	03/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	19/1/2022	V/v: Điều chỉnh một số nội dung Phương án phát hành trái phiếu 2021	100%
4	04/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	28/1/2022	V/v: Thông qua thời gian nộp tiền phát hành cổ phiếu riêng lẻ 2021	100%
5	05/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	14/2/2022	V/v: Thông qua kết quả chào bán cổ phần trong đợt chào bán riêng lẻ 2021 và các vấn đề liên quan.	100%
6	06/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	05/5/2022	V/v: Thông qua phương án phát hành trái phiếu theo Nghị quyết 24 ngày 28/04	100%
7	07/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	23/5/2022	V/v: Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu.	100%
8	07A/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	23/5/2022	V/v: Tái cấp hạn mức vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân	100%
9	07B/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	23/5/2022	V/v: Tái cấp hạn mức vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch.	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	08/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	09/6/2022	V/v: Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2021 và các vấn đề liên quan.	100%
11	09/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	14/6/2022	V/v: Điều chỉnh số cổ phần lẻ bị huỷ trong đợt phát hành cổ phiếu LIG để trả cổ tức năm 2021.	100%
12	10/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	13/7/2022	V/v: Thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ đối với trái phiếu LIG H2123001	100%
13	11/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	8/9/2022	V/v: Điều chỉnh nâng hạn mức cấp tín dụng của LIG - BIDV	100%
14	12/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	05/10/2022	V/v: Ủy quyền cho Phúc An Khang thay mặt liên doanh vay vốn	100%
15	13/2022/NQ-LICOGI13-HĐQT	06/10/2022	V/v: Thế chấp phần vốn góp của LICOGI13 tại Công ty CP năng lượng dầu khí Toàn cầu và bảo lãnh thực hiện Hợp đồng tín dụng của Công ty CP năng lượng dầu khí toàn cầu với BIDV Thanh Xuân.	100%

*** Các quyết định của HĐQT**

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/1/2022	V/v: Thành lập ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
2	02/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	21/3/2022	V/v: Góp vốn thành lập Công ty TNHH 2 thành viên LICOGI13 Thuận Phước và cử người đại diện quản lý phần vốn góp.	100%
3	03/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	04/4/2022	V/v: Cử người đại diện phần vốn của LICOGI13 tại Công ty cổ phần	100%

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			LICOGI13 - CMC	
4	04/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	05/5/2022	V/v: Thanh toán thù lao HĐQT, BKS và phụ trách quản trị Công ty, bộ phận giúp việc HĐQT 2022	100%
5	05/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	09/6/2022	V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2022 (TTP)	100%
6	06/2022/QĐ-LICOGI13-HĐQT	8/12/2022	V/v: Nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty cổ phần Địa ốc xanh Sài Gòn Thuận Phước từ Ông Vũ Tuấn Dương.	100%

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Các thành viên tiểu ban truyền thông đã được đào tạo các kỹ năng cơ bản về cách đưa tin bài đảm bảo đưa tin bài kịp thời, chính xác về hoạt động của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: *Không có*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Dương Thị Phụng	Trưởng ban	0	0
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	0	0
3	Lê Văn Cường	Thành viên	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Năm 2022 Ban Kiểm soát đã triển khai các nhiệm vụ:

- Giám sát việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022;
- Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022;
- Thực hiện trách nhiệm giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản trị, điều hành và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Kiểm soát đã được cung cấp tài liệu, thông tin để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Công ty và theo nội dung mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng và các khoản lợi ích, thù lao:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Các khoản lương, lợi ích và thù lao
I	Hội đồng quản trị		2.835
1	Bùi Đình Sơn	Chủ tịch	473
2	Phạm Văn Thắng	UV. HĐQT – TGD	595
3	Vũ Tuấn Dương	Ủy viên	416
4	Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên	180
5	Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên	180
6	Nguyễn Thanh Tú	UV HĐQT – Phó TGD	494
7	Đỗ Thanh Hà	TV HĐQT – Phó TGD	497
II	Ban Tổng giám đốc		944
1	Phạm Văn Thắng	Tổng giám đốc	Đã bao gồm trong mục HĐQT
2	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	Đã bao gồm trong mục HĐQT
3	Đỗ Thanh Hà	Phó TGD	Đã bao gồm trong mục HĐQT
4	Lê Xuân Thành	Phó TGD	309
5	Trần Quang Huy	Phó TGD	317
6	Nguyễn Nam Sơn	Phó TGD	317
III	Ban Kiểm soát		496
1	Dương Thị Phượng	Trưởng ban	239
2	Đinh Thị Kim Anh	Thành viên	226
3	Lê Văn Cường	Thành viên	38
	Cộng		4.275

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Giao dịch (CP)		Thời gian giao dịch
			Mua	Bán	
1	Vũ Tuấn Dương	Thành viên HĐQT		100.000	Tháng 3/2022
2	Nguyễn Văn Hiệp	Thành viên HĐQT		100.000	Tháng 3/2022
3	Đỗ Thanh Hà	Thành viên HĐQT - Phó TGD		600.000	Tháng 5/2022
4	Nguyễn Nam Sơn	Phó TGD	100.000		Tháng 7/2022

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Danh sách theo phụ lục đính kèm*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Ý kiến chấp nhận toàn phần.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Địa chỉ đăng tải Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty: <https://licogi13.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh.html>

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 13**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
LICOGI 13
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=quận thanh xuân,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100106426
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-04-17 15:31:40
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.1

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 13

Phạm Văn Thắng

Phụ lục: Danh mục Hợp đồng mua bán vật tư/ Hợp đồng giao thầu; Hợp đồng vay/cho vay đối với các Công ty con, người có liên quan thực hiện trong năm 2022
(Theo qui định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên TTCK)

STT	Tên công ty/ đối tượng có liên quan	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng) (Bao gồm VAT)
1	Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PTSC Thanh Hoá (LIG giao Công ty cổ phần LICOGI13-Vật liệu Xây dựng Chi nhánh Hà Nam thực hiện)	Hợp đồng Thi công gói thầu XL01: Thi công sân bê tông, thoát nước và ray cống trục thuộc dự án: Nâng cấp hạ tầng bãi chế tạo cơ khí	17.582.568.092
2	Công ty cổ phần LICOGI13 – Đầu tư xây dựng và hạ tầng	Hợp đồng Thi công gói thầu số 02: đoạn từ Km1+000-Km4+100 và cầu Nước trong, đảm bảo giao thông đường thuỷ thuộc dự án Đường tỉnh 931 (đoạn từ xã Vĩnh Viễn đến cầu Xẻo Vệt), tỉnh Hậu Giang ký ngày 10/01/2022	7.368.316.000
3	Công ty cổ phần thực phẩm BIM (LIG giao cho Công ty cổ phần LICOGI13 – Đầu tư xây dựng và hạ tầng thực hiện)	Hợp đồng thi công kết cấu, xây trát và hoàn thiện khác Chairman Villa&Jetty ký ngày 19/12/2022	19.893.760.000

CTCP
12/1